

Phụ lục số 01

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC- UBND ngày tháng 6 năm 2026 của UBND xã Lệ Thủy)

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Dự toán giao năm 2026					Thực hiện 6 tháng đầu năm 2026					So sách TH/KH				
	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				TS	Trong đó			
		NS Trung ương	NS địa phương	Chia ra			NS TW	NS địa phương	Chia ra			NSTW	NS địa phương	Chia ra	
				NS cấp Tỉnh	NS cấp Xã				NS cấp Tỉnh	NS cấp Xã				T	X
Tổng thu ngân sách địa phương	389.549	5.420	384.129	9.000	375.129	388.889	2.964	385.925	4.506	381.419	99,8		100,5	50,1	101,7
I. Thu ngân sách NN trên địa bàn	67.508	5.420	62.088	9.000	53.088	40.183	2.964	37.219	4.506	32.713	59,5		59,9	50,1	61,6
Số thu trong cân đối không kể CQSDD	31.508	20	31.488	-	31.488	24.819	659	24.159	665	23.495	78,8		76,7		74,6
1. Thuế CTN và DV NQD	12.965	-	12.965	-	12.965	11.301	-	11.301	19	11.282	87,2		87,2		87,0
+ GTGT	-		-			8.406		8.406	1	8.406					
+ TNDN	-		-			1.130		1.130		1.130					
+ Tiêu thụ DB	-		-			31		31		31					
+ Tài nguyên	-		-			1.734		1.734	19	1.715					
2. Lệ phí trước bạ	11.610	-	11.610		11.610	5.075	-	5.075	-	5.075	43,7		43,7		43,7
3. Thuế SD F NN	70		70		70	83		83	-	83	118,8		118,8		118,8
4. Thu tiền thuê đất	135	20	115		115	604	91	513	392	121	447,5		446,5		105,5
5. Thu tiền sử dụng đất	36.000	5.400	30.600	9.000	21.600	15.364	2.305	13.060	3.841	9.219	42,7		42,7	42,7	42,7
6. Thu cấp quyền khai thác	828		828		828	534		534	36	497	64,4		64,4		60,0
7. Thu phí và lệ phí	689	-	689	-	689	2.667	370	2.297	2	2.295	387,1		333,4		333,1
Trong đó: -Tại xã	689		689		689	2.480	185	2.295	1	2.294	359,9		333,1		333,0
- Tại tỉnh, TW	-		-			187	185	2	1	1					
8. Thuế thu nhập cá nhân	3.046		3.046		3.046	1.694		1.694	(22)	1.716	55,6		55,6		
9. Thu khác	2.165	-	2.165	-	2.165	2.861	199	2.662	237	2.426	132,1		123,0		112,0
Trong đó: -Tại xã	1.365		1.365		1.365	1.982		1.982	-	1.982	145,2		145,2		145,2
- Hoa lợi công sản	800		800		800	443		443	-	443	55,4		55,4		55,4
- Tại TW	-		-			435	199	237	237	-					
11. Đóng góp					-	-		-							
II. Thu điều tiết từ các khoản ngân sách tỉnh quản lý	-		-												
III. Thu kết dư ngân sách						-		-							
IV. Thu chuyển nguồn	24.379		24.379		24.379	122.065		122.065		122.065					
V. Thu bổ sung từ NS cấp trên	297.662	-	297.662	-	297.662	226.641	-	226.641	-	226.641	76,1		76,1		76,1
1. Bổ sung cân đối	210.580		210.580		210.580	119.534		119.534		119.534	56,8		56,8		56,8
2. Bổ sung có mục tiêu	87.082		87.082		87.082	107.107		107.107		107.107	123,0		123,0		123,0
IV. Thu từ NS cấp dưới nộp lên					-	-		-							

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của UBND xã Lê Thủy)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2026		Thực hiện đến 30/6/2026	So sánh (%)	
		Tỉnh giao	Xã giao		TH/KH Tỉnh giao	TH/KH HĐND xã giao
	TỔNG CHI	375.129	375.129	192.983	51	51
I	Chi đầu tư phát triển	45.926	45.926	28.331	62	62
	Chi đầu tư cho các dự án	45.926	45.926	28.331	62	62
II	Chi thường xuyên	323.872	323.872	164.652	51	51
1	Chi sự nghiệp kinh tế	16.323	16.323	9.012	55	55
2	Chi sự nghiệp giáo dục - Đào tạo	153.552	153.552	71.829	47	47
3	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	766	766	80	10	10
4	Chi sự nghiệp y tế	18.257	18.257	11.276	62	62
5	Sự nghiệp Văn hóa - Thông tin TDTT	2.380	2.380	302	13	13
6	Chi đảm bảo xã hội	91.945	91.945	49.390	54	54
7	Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	32.079	32.079	18.450	58	58
8	Chi an ninh	2.299	2.299	1.831	80	80
9	Chi quốc phòng	1.914	1.914	1.610	84	84
10	Chi sự nghiệp môi trường	2.327	2.327	872	37	37
11	Chi khác ngân sách	2.031	2.031		-	
III	Dự phòng ngân sách	5.331	5.331			

Phụ lục số 03

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỬ DỤNG, PHÂN BỐ KINH PHÍ DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

DVT: triệu đồng

TT	QĐ cấp KP	Ngày	Nội dung cấp	Số tiền
I	Dự toán kinh phí dự phòng năm 2026 được sử dụng			8.831
1	Nguồn dự phòng năm 2026			5.331
2	Nguồn dự phòng bổ sung từ vượt thu năm 2025			3.500
II	Kinh phí dự phòng đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2026			3.892
1	133	28/01/2026	KP phục vụ kiểm tra, hướng dẫn công tác bảo vệ Bí mật NN năm 2025	7
2	129	28/01/2026	KP phục vụ tổng rà soát, kiểm tra cư trú và triển khai cho hộ gia đình...	15
3	132	28/01/2026	KP chi hoạt động chi thường xuyên cho CA xã phục vụ chi trả phí cước viễn thông đối với hệ thống camera an ninh trên địa bàn xã LT năm 2026	20
4	136	29/01/2026	KP hỗ trợ thực hiện Kế hoạch tấn công trấn áp tội phạm và tuần tra kiểm soát duy trì trật tự đô thị	90
5	128	28/01/2026	Kinh phí thay mới các tụ điều khiển tự động điện chiếu sáng công cộng	24
6	149	30/01/2026	KP tổ chức hội nghị toạ đàm... kết nối không gian mạng trên địa bàn	15
7	272	12/02/2026	Mua sắm, sửa chữa để tái vận hành hệ thống Camera an ninh trên địa bàn xã	295,17
9	251	06/02/2026	KP Thực hiện ra quân lần chiếm lòng lề đường, hành lang an toàn giao thông trên địa bàn xã	45
10	270	11/02/2026	Kinh phí phục vụ hội nghị tuyên truyền, phổ biến PL lĩnh vực chống hàng giả, hàng cấm, xâm phạm sở hữu trí tuệ trên địa bàn xã Lễ Thủy dịp tết Nguyên Đán 2026	20
11	276	12/02/2026	KP chi trả tiền công, tiền ăn, mua vật chất cho lực lượng dân quân cơ động xã trực SSCĐ	50
12	313	04/03/2026	KP hỗ trợ lực lượng trực bảo vệ ĐH đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng	20
13	293	25/02/2026	Tặng quà quân sự	97
14	330	06/03/2026	Cấp KP bổ sung bầu cử	450
15	395	24/3/2026	Cấp KP cho Quân sự kỷ niệm 91 năm ngày DQTV	20
16	570	30/4/2026	Kinh phí mua BH cháy nổ bắt buộc tại đình chính và đình phụ chợ Tréo	148
17	574	30/4/2026	Kinh phí tổ chức hội nghị tổng kết công tác tấn công tội phạm, bảo vệ ĐH Đảng, tết Nguyên Đán và bầu cử Quốc hội & HĐND các cấp	20

18	576	30/4/2026	Kinh phí hỗ trợ di chuyển trụ sở làm việc của BCHQS xã	45
19	619	08/05/2026	Sửa chữa đột xuất đê bắc Hói Cừa và đê Nam Hói Quan, HTX Mỹ Lộc Hạ	15
20	620	08/05/2026	Sửa chữa đột xuất đê Hói Quan, HTX Mỹ Lộc Thượng	15
21	667	21/5/2026	Hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác chống sâu bệnh hại	20
22	707	30/5/2026	Kinh phí hỗ trợ công tác tiêm phòng vắc xin phòng bệnh dại cho đàn chó, mèo trên địa bàn xã năm 2026	45
24	659	20/5/2026	Kinh phí phục vụ hội thi lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự cơ sở giới (lần thứ I) năm 2026	80,8
25	723	31/5/2026	Kinh phí hỗ trợ công an xã tổ chức thực hiện đảm bảo an ninh, an toàn kỳ thi tuyển sinh lớp 10 và kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026	15
26	736	03/06/2026	Kinh phí bổ sung thực hiện hội thi lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự cơ sở giới lần thứ I; phục vụ phòng chống ma túy và triển khai mô hình thôn không ma túy; hỗ trợ công tác thực hiện cao điểm làm giàu, làm sạch dữ liệu	50
27	760	05/06/2026	Kinh phí phục vụ thăm, tặng quà các đơn vị huấn luyện và dự lễ tuyên thệ chiến sỹ mới nhập ngũ năm 2026	70
28			Sửa chữa trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Lê Thủy	2.200
III	Dự toán kinh phí dự phòng còn lại			4.939

Phụ lục 04
QUYẾT TOÁN KINH PHÍ CẤP BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỈNH CẤP
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

ĐVT: ngàn đồng

TT	Số Quyết định	Ngày, tháng QĐ	Nội dung	Mã CTMT	Số tỉnh cấp BSCMT đến 30/6/2026	Kinh phí đã thực hiện đến 30/6/2026	Kinh phí chưa thực hiện
1	2		3	4	5	6	7
TỔNG CỘNG					20.707	12.973	7.735
1	295	27/01/2026	Kinh phí thực hiện khen thưởng trong xây dựng NTM	20502	1.500	1.500	
2	531	02/05/2026	Kinh phí thực hiện chi trả chế độ, chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ- CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ		174	174	-
3	558	9/2/2026	Kinh phí thực hiện thăm và tặng quà theo chương trình tổ chức các hoạt động mừng Đảng, mừng xuân đón tết Bính Ngọ 2026		69	69	-
4	559	9/2/2026	Kinh phí bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp		1.181	1.181	-
5	770	4/3/2026	Kinh phí thực hiện chi trả chế độ, chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ- CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ		216	216	-
6	828	11/3/2026	Kinh phí thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026- 2031		50	50	-
7	981	24/3/2026	Kinh phí hỗ trợ khắc phục SXNN bị thiệt hại do thiên tai và dịch tả lợn Châu Phi lần 2 đợt 1		1.027	1.027	-
8	988	24/3/2026	Kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa		7.052	-	7.052
9	989	24/3/2026	Kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi NCC với cách mạng		945	945	-
10	1046	27/3/2026	Kinh phí thực hiện chi trả chế độ, chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ- CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ		450	450	-
11	1704	8/5/2026	Kinh phí phân bổ giao dự toán chi 2026 cho trạm y tế xã		7.362	7.362	-
13	2.341	17/6/2026	Kinh phí hỗ trợ công tác mộ, nghĩa trang Liệt sỹ năm 2026		683	-	683